

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H- TỈNH THỪA THIÊN H.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 613/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Tôn Thất Th, sinh năm 1966; Nơi cư trú: 13 Tùng Thiện V, phường Võ D, thành phố H tỉnh Thừa Thiên H

- Chị Trần Thị Kim Ph, sinh năm 1978; Nơi cư trú: 2A/K11 Tùng Thiện V, phường Võ D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tôn Thất Th và chị Trần Thị Kim Ph kết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 05 năm, được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và anh, chị đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Võ Dạ, thành phố Huế ngày 06/02/2002. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Năm 2017 vợ chồng không sống chung với nhau nữa nên cả hai không còn tình cảm. Do mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được nên anh Th và chị Ph cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Tôn Thất Th và chị Trần Thị Kim Ph cùng sống vợ chồng có 02 con chung là Tôn Thất Bảo Q, sinh ngày 22/5/2003 và Tôn Nữ Bảo Chsinh ngày 24/8/2006. Nguyên vọng của cháu Q và cháu Ch muốn ở với chị Ph, nên anh Th và chị Phthỏa thuận giao hai con chung Tôn Thất BảoQ và và Tôn Nữ Bảo Ch cho chị Trần Thị Kim Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến

thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Tôn Thất Th không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Anh Tôn Thất Th và chị Trần Thị Kim Ph tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Tôn Thất Th và chị Trần Thị Kim Ph xác nhận vợ chồng chung sống không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Tôn Thất Th và chị Trần Thị Kim Ph mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 26/12/2019), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Tôn Thất Th và chị Trần Thị Kim Ph

- Về con chung: Giao cháu Tôn Thất Bảo Q, sinh ngày 22/5/2003 và Tôn Nữ Bảo Ch sinh ngày 24/8/2006 cho chị Trần Thị Kim Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Tôn Thất Th không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Tôn Thất Th và chị Trần Thị Kim Ph tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Tôn Thất Th và chị Trần Thị Kim Ph xác nhận vợ chồng chung sống không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Tôn Thất Th và chị Trần Thị Kim Ph mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền anh Th và chị Ph đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/008890 ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT H;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND P Vỹ Dạ, TP H
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh